



**Tổng Công ty Phát điện 3 –  
Công ty Cổ phần**

**Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn  
từ ngày 1 tháng 10 năm 2018  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định thành lập số** 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công Thương cấp.

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 3502208399 ngày 26 tháng 11 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mới nhất là giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 6, ngày 2 tháng 1 năm 2019.

**Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch
Ông Đinh Quốc Lâm	Thành viên
Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên
Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

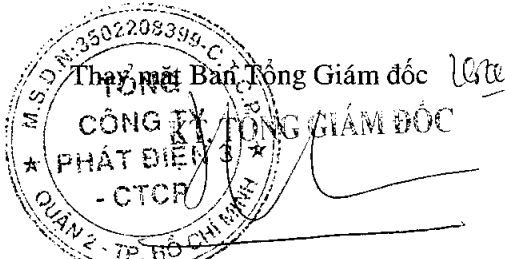
## **Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2019



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi Các cổ đông Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 4 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 48.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Vấn đề nhấn mạnh**

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(a)(ii), 3(a)(iii) và 3(a)(iv) trong báo cáo tài chính riêng.

- Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 (“Nghị quyết 150”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”).

Theo hướng dẫn của Nghị quyết 150, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) của báo cáo tài chính riêng.

- Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn tại Điều 21 nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Nghị định 126”). Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo qui định, thay vì vào “Doanh thu hoạt động tài chính” hoặc “Chi phí tài chính”.

Hướng dẫn của Nghị định 126 có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(iv) của báo cáo tài chính riêng.

### Các vấn đề khác

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 48. Thông tin bổ sung tại trang 49 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính riêng và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính riêng, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00897-19-1

Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 4 năm 2019

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/10/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>16.961.310.205.068</b>	<b>18.448.589.379.547</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2.111.565.697.349</b>	<b>4.095.791.382.299</b>
Tiền	111		1.381.565.697.349	3.365.791.382.299
Các khoản tương đương tiền	112		730.000.000.000	730.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.350.000.000.000</b>	<b>850.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	3.350.000.000.000	850.000.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>8.743.041.814.282</b>	<b>10.530.231.737.931</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	8.191.597.526.315	9.862.131.495.296
Trả trước cho người bán	132		128.631.729.021	270.475.159.161
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	423.303.201.500	397.625.083.474
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(490.642.554)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>2.717.698.105.369</b>	<b>2.898.840.532.277</b>
Hàng tồn kho	141		2.717.858.990.761	2.898.840.532.277
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(160.885.392)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>39.004.588.068</b>	<b>73.725.727.040</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.236.508.531	50.016.155.477
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.758.440.020	21.650.051.647
Thuế phải thu Nhà nước	153	13(b)	9.639.517	2.059.519.916

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/10/2018 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>58.195.709.347.653</b>	<b>58.902.532.441.921</b>
<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.549.424.000</b>	<b>3.266.424.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		3.549.424.000	3.266.424.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53.539.528.259.999</b>	<b>54.585.064.826.703</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	53.451.661.723.969	54.514.616.815.297
<i>Nguyên giá</i>	222		106.827.249.464.862	106.741.919.675.109
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(53.375.587.740.893)	(52.227.302.859.812)
Tài sản cố định vô hình	227	10	87.866.536.030	70.448.011.406
<i>Nguyên giá</i>	228		105.702.784.452	87.332.841.146
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(17.836.248.422)	(16.884.829.740)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.536.799.320.476</b>	<b>2.428.976.329.620</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.536.799.320.476	2.428.976.329.620
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>1.520.334.574.438</b>	<b>1.520.334.574.438</b>
Đầu tư vào công ty con	251		551.689.970.000	551.689.970.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		791.558.350.850	791.558.350.850
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		177.086.253.588	177.086.253.588
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>595.497.768.740</b>	<b>364.890.287.160</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		112.993.542.569	115.983.171.012
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		482.504.226.171	248.907.116.148
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>75.157.019.552.721</b>	<b>77.351.121.821.468</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*




**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/10/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>66.446.675.566.381</b>	<b>68.912.779.465.295</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.820.391.635.855</b>	<b>14.079.561.126.543</b>
Phải trả người bán	311	12	3.672.154.235.402	4.748.633.504.322
Người mua trả tiền trước	312		103.636.000	915.000.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13(a)	289.855.824.555	148.506.925.628
Phải trả người lao động	314		63.267.522.912	129.565.615.844
Chi phí phải trả	315		50.369.355.568	112.116.800.683
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.944.744.132	15.952.466.021
Phải trả khác	319	14	1.059.304.797.154	3.296.360.917.698
Vay ngắn hạn	320	15(a)	5.420.431.251.663	5.372.536.262.741
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		248.960.268.469	254.973.633.606
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>55.626.283.930.526</b>	<b>54.833.218.338.752</b>
Doanh thu chưa thực hiện	336		378.955.365.915	382.744.919.575
Vay dài hạn	338	15(b)	55.247.328.564.611	54.450.473.419.177
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>8.710.343.986.340</b>	<b>8.438.342.356.173</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>8.710.343.986.340</b>	<b>8.438.342.356.173</b>
Vốn cổ phần	411	17	10.699.695.770.000	10.478.234.644.194
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	18	(1.098.488.973.504)	(2.378.304.250.451)
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	227.818.534.828
Lỗi lũy kế	421		(890.862.810.156)	-
- Lỗi kỳ này	421b		(890.862.810.156)	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	110.593.427.602
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>75.157.019.552.721</b>	<b>77.351.121.821.468</b>

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập:

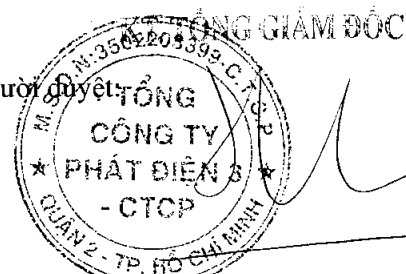


Trần Nguyễn Khánh Linh  
 Người lập biểu

Người duyệt:



Vũ Phương Thảo  
 Trưởng Ban Tài chính – Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Mẫu B 02 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND (Phân loại lại)
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	9.665.719.250.149	27.813.335.663.247
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	8.500.847.706.743	24.231.139.245.639
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.164.871.543.406</b>	<b>3.582.196.417.608</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	98.635.671.152	107.682.656.187
Chi phí tài chính	22	24	1.936.746.034.792	3.408.772.723.895
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		696.942.750.569	2.025.166.808.801
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	114.578.364.209	306.539.480.734
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}</b>	<b>30</b>		<b>(787.817.184.443)</b>	<b>(25.433.130.834)</b>
Thu nhập khác	31		38.284.654.555	410.487.938.669
Chi phí khác	32		33.953.574.098	120.674.070.791
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>4.331.080.457</b>	<b>289.813.867.878</b>
<b>Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(783.486.103.986)</b>	<b>264.380.737.044</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	107.376.706.170	1.662.857.650
<b>Lỗ thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>(890.862.810.156)</b>	<b>262.717.879.394</b>

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập:

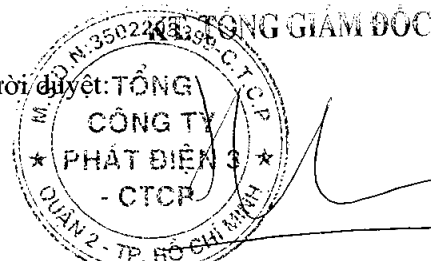


Trần Nguyễn Khánh Linh  
 Người lập biểu

Người duyệt: T



Vũ Phương Thảo  
 Trưởng Ban Tài chính – Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	Giai đoạn	Giai đoạn
	số	minh	từ 1/10/2018	từ 1/1/2018
			đến 31/12/2018	đến 30/9/2018
			VND	VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(783.486.103.986)</b>	<b>264.380.737.044</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		1.149.236.299.763	3.330.479.855.224
Các khoản dự phòng	03		651.527.946	(2.196.685.721)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.238.628.792.813	1.348.386.715.448
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(97.468.197.232)	(386.143.029.470)
Chi phí lãi vay	06		696.942.750.569	2.025.166.808.801
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>2.204.505.069.873</b>	<b>6.580.074.401.326</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(1.266.388.401.831)	(6.132.250.074.887)
Biến động hàng tồn kho	10		(52.279.820.345)	(90.756.481.906)
Biến động các khoản phải trả	11		312.357.134.869	345.338.468.480
Biến động chi phí trả trước	12		21.769.275.389	(44.483.276.598)
			<b>1.219.963.257.955</b>	<b>657.923.036.415</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(122.331.480.677)	(341.297.629.558)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(739.093.316)	(84.599.501.404)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.013.365.137)	(118.647.725.039)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.090.879.318.825</b>	<b>113.378.180.414</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.765.712.277.733)	(597.604.980.089)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	90.000.000
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(3.300.000.000.000)	(850.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	24		800.000.000.000	1.200.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		103.792.885.276	295.834.582.206
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(4.161.919.392.457)</b>	<b>48.319.602.117</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền trả lại vốn góp cho chủ sở hữu	32		(221.350.148.719)	-
Tiền thu từ đi vay	33		1.586.899.285.954	69.143.160.920
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(278.730.399.496)	(584.069.444.301)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.086.818.737.739</b>	<b>(514.926.283.381)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.984.221.335.893)</b>	<b>(353.228.500.850)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		4.095.791.382.299	4.449.120.834.886
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(4.349.057)	(100.951.737)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>2.111.565.697.349</b>	<b>4.095.791.382.299</b>

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập:

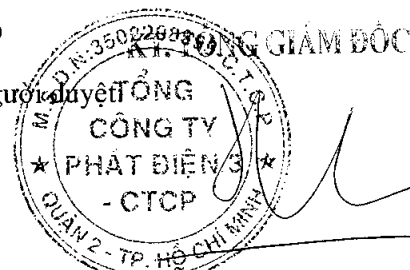


Trần Nguyễn Khánh Linh  
 Người lập biểu

Người duyệt:



Vũ Phương Thảo  
 Trưởng Ban Tài chính – Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Công ty Mẹ-Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ -Tổng công ty Phát điện 3.

Tổng Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PGV theo quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 2 tháng 1 năm 2019. Theo đó, ngày bắt đầu hoạt động của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần là ngày 01 tháng 10 năm 2018.

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương; Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- Công ty Dịch vụ Sửa chữa Các Nhà máy điện EVNGENCO 3;
- Văn phòng Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết (1/10/2018: 2 công ty con và 3 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh số 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 2.710 nhân viên (1/10/2018: 2.633 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm đầu tiên của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần. Kỳ kế toán năm tiếp theo của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Ngoại tệ**

**(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-ĐKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 5246/EVN-TCKT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính cho năm 2018 (“Công văn 5246”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia**

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 (“Nghị quyết 150”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Hướng dẫn của Nghị quyết 150 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 121.939.976.041 VND (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 492.968.936.511 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu”, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 1.098.488.973.504 VND (1/10/2018: lần lượt tăng và giảm 605.520.036.993 VND).

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ không thay đổi (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: lần lượt giảm và tăng 979.679.014.804 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ không thay đổi (1/10/2018: lần lượt tăng và giảm 371.028.960.470 VND).

**(iv) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần**

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Nghị định 126”) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo quy định.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Thông tư 200 thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ lần lượt giảm và tăng 1.401.755.252.988 VND (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018: lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 1.401.755.252.988 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ không thay đổi (1/10/2018: lần lượt tăng và giảm 1.401.755.252.988 VND).



**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng khoản tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận trực tiếp.

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ**

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ/năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ/năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được xem có liên quan với Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/10/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.860.287.285	2.916.878.924
Tiền gửi ngân hàng	1.379.705.410.064	3.362.874.503.375
Các khoản tương đương tiền	730.000.000.000	730.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.111.565.697.349	4.095.791.382.299

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc một đến ba tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 5,3% - 5,5% một năm (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: 4,7% - 5% một năm).

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan, với lãi suất được hưởng là 5,3%-6,5% một năm (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: 5,3% - 5,5% một năm).

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2018		1/10/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	(i) 79,56%	481.235.570.000	481.235.570.000	620.793.885.300
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	(ii) 54,76%	70.454.400.000	70.454.400.000	96.522.528.000
		<u>551.689.970.000</u>	<u>551.689.970.000</u>	<u>717.316.413.300</u>

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2018		1/10/2018		
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>					
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	(iii) 30,00%	190.500.000.000	190.500.000.000	466.725.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	(iv) 30,55%	517.058.350.850	517.058.350.850	1.109.098.284.800	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	(v) 30,00%	84.000.000.000	84.000.000.000	84.000.000.000 (*)	-
		791.558.350.850	791.558.350.850		-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>					
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	(vi) 2,50%	83.022.592.000	83.022.592.000	187.662.592.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	74.463.661.588	74.463.661.588 (*)	-
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,60%	19.600.000.000	19.600.000.000	19.600.000.000 (*)	-
		177.086.253.588	177.086.253.588		-



**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công nghiệp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000451 ngày 1 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công thương. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iv) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (v) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 1 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.
- (vi) Giá trị ghi số của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2, công ty niêm yết, tại thời điểm 30/9/2018 được thực hiện theo hướng dẫn về xử lý tài chính quy định tại mục d, khoản 2, Điều 21 và khoản 2, Điều 32, Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính Phủ. Theo đó, Tổng Công ty được ghi nhận thêm phần cổ tức được chi trả bằng cổ phiếu theo giá tham chiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần.
- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/10/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Mua bán điện	8.085.411.331.327	9.741.663.335.350
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	35.093.793.900	96.224.131.300
Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	54.824.844.800	13.705.661.200
Các bên liên quan khác	2.612.043.345	833.772.937
<b>Bên thứ ba</b>		
Các khách hàng khác	13.655.512.943	9.704.594.509
	<b>8.191.597.526.315</b>	<b>9.862.131.495.296</b>

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/10/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.256.171.287	7.211.873.623
Dự án nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng	253.952.245.056	218.741.729.220
Cổ tức được chia	80.569.226.500	86.641.025.930
Lãi tiền gửi từ Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	2.780.082.191	5.395.890.411
Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 1	7.461.371.380	4.310.456.633
Bên liên quan khác	7.468.387.981	-
<b>Bên thứ ba</b>		
Lãi tiền gửi phải thu	25.403.372.310	23.040.452.704
Phải thu khác	30.412.344.795	52.283.654.953
	<b>423.303.201.500</b>	<b>397.625.083.474</b>

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		1/10/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.289.837.243	-	11.731.955.901	-
Nguyên vật liệu	2.628.504.421.398	(160.885.392)	2.799.216.025.315	-
Công cụ và dụng cụ	82.527.969.399	-	73.876.210.549	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.536.762.721	-	14.016.340.512	-
	<b>2.717.858.990.761</b>	<b>(160.885.392)</b>	<b>2.898.840.532.277</b>	<b>-</b>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Số dư đầu kỳ	-	863.543.167
Tăng trong kỳ	160.885.392	-
Hoàn nhập trong kỳ	-	(863.543.167)
	<b>160.885.392</b>	<b>-</b>

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	18.274.704.729.445	81.858.013.381.313	6.519.347.300.873	89.661.399.842	192.863.636	106.741.919.675.109
Tăng trong kỳ	6.008.858.343	9.415.684.962	3.406.794.545	2.880.784.671	-	21.712.122.521
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	9.904.665.591	53.305.885.911	498.150.800	-	-	63.708.702.302
Điều chỉnh khác	-	(3.017.200)	(88.017.870)	-	-	(91.035.070)
Số dư cuối kỳ	18.290.618.253.379	81.920.731.934.986	6.523.164.228.348	92.542.184.513	192.863.636	106.827.249.464.862
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	5.833.756.580.996	43.488.523.170.761	2.845.667.837.398	59.195.585.930	159.684.727	52.227.302.859.812
Khấu hao trong kỳ	157.850.520.702	912.618.327.927	74.776.783.066	3.037.131.584	2.117.802	1.148.284.881.081
Số dư cuối kỳ	5.991.607.101.698	44.401.141.498.688	2.920.444.620.464	62.232.717.514	161.802.529	53.375.587.740.893
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	12.440.948.148.449	38.369.490.210.552	3.673.679.463.475	30.465.813.912	33.178.909	54.514.616.815.297
Số dư cuối kỳ	12.299.011.151.681	37.519.590.436.298	3.602.719.607.884	30.309.466.999	31.061.107	53.451.661.723.969

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 30.367 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/10/2018: 26.682 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.857 tỷ VND (1/10/2018: 1.887 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 15(b)(\*)).

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	70.602.282.739	12.513.522.171	4.025.390.148	191.646.088	87.332.841.146
Tăng trong năm	-	2.718.279.231	-	13.099.234.733	15.817.513.964
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	2.552.429.342	-	-	-	2.552.429.342
Số dư cuối năm	73.154.712.081	15.231.801.402	4.025.390.148	13.290.880.821	105.702.784.452
<b>Khấu hao trong năm</b>					
Số dư đầu năm	8.889.789.628	4.201.708.677	3.789.362.850	3.968.585	16.884.829.740
Khấu hao trong năm	579.324.074	318.360.031	21.208.251	32.526.326	951.418.682
Số dư cuối năm	9.469.113.702	4.520.068.708	3.810.571.101	36.494.911	17.836.248.422
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	61.712.493.111	8.311.813.494	236.027.298	187.677.503	70.448.011.406
Số dư cuối năm	63.685.598.379	10.711.732.694	214.819.047	13.254.385.910	87.866.536.030

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 4,42 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/10/2018: 4,38 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>
Số dư đầu năm	2.428.976.329.620	3.720.882.343.918
Tăng trong năm do mua mới	169.210.069.637	286.689.142.124
Chi phí lãi vay vốn hóa	6.056.765.400	15.396.266.976
Giảm do quyết toán	-	(1.052.102.661.356)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(63.708.702.302)	(141.803.350.178)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	(2.552.429.342)	(6.149.923.000)
Chuyển sang hàng tồn kho	(335.748.162)	(224.552.040.993)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(101.226.716.090)
Các biến động khác	(846.964.375)	(68.156.731.781)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.536.799.320.476</b>	<b>2.428.976.329.620</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/10/2018 VND</b>
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1	1.221.295.137.450	1.221.947.927.450
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	148.924.891.353	162.729.518.607
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	676.106.948.237	660.160.223.232
Cảng than Vĩnh Tân	383.746.615.607	334.257.403.904
Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	8.066.079.120	-
Các công trình khác	98.659.648.709	49.881.256.427
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.536.799.320.476</b>	<b>2.428.976.329.620</b>

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải trả người bán**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/10/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	40.559.377.525
Các bên liên quan khác	18.825.375.651	9.538.028.849
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	2.545.350.733.865	2.286.113.758.867
Công ty Shanghai Electric Group	-	1.486.382.804.864
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	441.556.254.530	489.926.170.619
Các nhà cung cấp khác	666.421.871.356	436.113.363.598
	3.672.154.235.402	4.748.633.504.322
Số có khả năng trả nợ	3.672.154.235.402	4.748.633.504.322

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/10/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	37.785.261.139	243.308.322.068	(196.241.370.553)	-	84.852.212.654
Thuế nhà thầu	5.505.165.553	11.982.693.090	(7.613.780.741)	-	9.874.077.902
Thuế xuất nhập khẩu	-	5.085.955.017	(5.085.955.017)	-	-
Thuế tài nguyên	39.377.736.307	116.187.571.118	(115.358.290.167)	(69.848.535)	40.137.168.723
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.348.406.491	107.376.706.170	(739.093.316)	(1.923.568.788)	106.062.450.557
Thuế thu nhập cá nhân	3.295.552.123	10.706.786.924	(8.234.365.042)	-	5.767.974.005
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	47.002.326.662	37.931.471.626	(41.771.857.574)	-	43.161.940.714
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	14.192.477.353	113.207.802	(14.305.734.780)	49.625	-
Các loại thuế khác	-	7.380.803.680	(7.324.290.979)	(56.512.701)	-
	148.506.925.628	540.073.517.495	(396.674.738.169)	(2.049.880.399)	289.855.824.555

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/10/2018 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2018 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.923.568.788	-	-	(1.923.568.788)	-
Thuế tài nguyên	79.438.427	-	-	(69.848.535)	9.589.892
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	56.512.701	-	-	(56.512.701)	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	49.625	49.625
	2.059.519.916	-	-	(2.049.880.399)	9.639.517



**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/10/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Gốc, lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu (chưa bù trừ qua tiền điện)	-	2.275.532.138.470
Lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả	779.189.436.755	519.881.469.214
Lợi nhuận chuyên về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	74.444.898.826
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	156.962.849.626	146.215.216.225
Phải trả từ bán cổ phần	152.499.616	98.349.816.694
Chi phí chuyên gia	14.680.695.065	66.789.916.722
Phải trả khác	108.319.316.092	115.147.461.547
	<b>1.059.304.797.154</b>	<b>3.296.360.917.698</b>

Chi tiết các khoản phải trả khác cho bên liên quan là:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/10/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	779.932.815.962	2.869.858.506.510
Các bên liên quan khác	100.236.833.360	32.584.350.397
	<b>880.169.649.322</b>	<b>2.902.442.856.907</b>

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>15. Vay</b>	<b>(a) Vay ngắn hạn</b>	<b>Biến động trong năm</b>		
		<b>1/10/2018</b> VND	<b>Tăng</b> VND	<b>Giảm</b> VND
	Vay dài hạn đến hạn trả	5.372.536.262.741	652.832.549.629	(597.775.803.692)
				<b>Chênh lệch tỷ giá</b> VND
				31/12/2018 VND
	Số có khả năng trả nợ	5.372.536.262.741		(7.161.757.015)
				5.420.431.251.663
	<b>(b) Vay dài hạn</b>			
	Vay dài hạn	54.450.473.419.177	1.586.899.285.954	(652.832.549.629)
				<b>Chênh lệch tỷ giá</b> VND
				31/12/2018 VND
				(137.211.590.891)
				55.247.328.564.611

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/10/2018 VND</b>
<b>Vay từ các tổ chức</b>				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	103.604.510.566	103.604.510.566
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I	VND	2024	1.974.000.000.000	2.068.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.516.694.935.392	1.572.868.821.888
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	250.000.000.000	260.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng	VND	2021	70.905.118.612	78.777.118.612
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	VND	2019	92.068.364.311	92.068.364.311
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	110.684.549.761	221.369.062.761
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	VND	2026	258.153.558.834	233.945.112.081
			4.376.111.037.476	4.630.632.990.219
<b>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	444.445.836.309	454.606.455.267
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	19.206.808.016.325	19.554.327.054.073
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	8.999.713.746.007	9.048.109.711.516
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	6.275.936.541.397	6.309.685.393.524
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.688.212.359.504	1.685.494.354.842
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	14.731.365.464.567	13.248.226.816.493

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/10/2018 VND</b>
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	89.444.501.596	87.125.866.733
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	67.338.860.225	65.593.261.265
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	73.457.010.088	73.852.025.199
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	27.989.680.391	55.790.241.320
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	156.119.724.974	196.199.073.599
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.530.817.037.415	4.413.366.437.868
			56.291.648.778.798	55.192.376.691.699
			60.667.759.816.274	59.823.009.681.918
Trong đó, thanh toán trong vòng 12 tháng			5.420.431.251.663	5.372.536.262.741

Lãi suất năm thực tế trong kỳ của các khoản vay như sau

- Các khoản vay USD từ 3,15% đến 6,56% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: từ 2,01% đến 6,17%).
- Các khoản vay VND từ 8,98% đến 10,05% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: từ 8,98% đến 10,03%).
- Các khoản vay JPY từ 1,15% đến 2,75% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: từ 0,95% đến 2,75%).
- Các khoản vay CNY là 3,40% (giai đoạn từ ngày 1/1/2018 đến ngày 30/9/2018: 3,40%).

(\*) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được đảm bảo bằng nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp có giá trị còn lại là 1.857 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/10/2018: 1.887 tỷ VND).

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp/ Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	10.561.944.694.725	1.566.487.558	(2.449.196.948.778)	170.044.801.501	-	114.101.515.647	8.398.460.550.653
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(3.327.218.134)	-	-	-	(74.444.898.826)	-	(77.772.116.960)
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	(94.925.424.397)	(1.566.487.558)	-	(21.540.842.227)	-	(3.508.088.045)	(121.540.842.227)
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ	-	-	70.892.698.327	-	-	-	70.892.698.327
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	262.717.879.394	-	262.717.879.394
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	78.815.363.818	(78.815.363.818)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(109.457.616.750)	-	(109.457.616.750)
Điều chỉnh khác	14.542.592.000	-	-	499.211.736	-	-	15.041.803.736
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 10 năm 2018</b>	10.478.234.644.194	-	(2.378.304.250.451)	227.818.534.828	-	110.593.427.602	8.438.342.356.173
Nộp về Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (a)	-	-	-	(221.350.148.719)	-	-	(221.350.148.719)
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	117.061.813.711	-	-	(6.468.386.109)	-	(110.593.427.602)	-
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-	-	-	-	-	86.143.440.000
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ	-	-	1.279.815.276.947	-	-	-	1.279.815.276.947
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(890.862.810.156)	-	(890.862.810.156)
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-	-	-	-	-	18.255.872.095
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	10.699.695.770.000	-	(1.098.488.973.504)	-	(890.862.810.156)	-	8.710.343.986.340

(a) Các khoản phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp là khoản chênh lệch phần vốn Nhà nước từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần tại ngày 1 tháng 10 năm 2018 theo quy định của Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	<b>31/12/2018</b>	
	<b>Số lượng cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	1.069.969.577	10.699.695.770.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	1.069.969.577	10.699.695.770.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>	1.069.969.577	10.699.695.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn góp/vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>
Số dư đầu kỳ	10.478.234.644.194	10.561.944.694.725
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	(3.327.218.134)
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	(94.925.424.397)
Tăng do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP	-	14.542.592.000
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	117.061.813.711	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.699.695.770.000</b>	<b>10.478.234.644.194</b>

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

		<b>31/12/2018</b>	
	<b>Vốn cổ phần</b>	<b>Số lượng cổ phần phổ thông</b>	<b>Tỉ lệ %</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.613.552.330.000	1.061.355.233	99,19%
Người lao động	14.647.000.000	1.464.700	0,14%
Các cổ đông khác	71.496.440.000	7.149.644	0,67%
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	10.699.695.770.000	1.069.969.577	100,00%

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Thuyết minh	1/10/2018 VND	Phân loại lại VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2018 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	605.520.036.993	371.028.960.470	-	121.939.976.041	1.098.488.973.504
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ	371.028.960.470	(371.028.960.470)	(143.502.828.713)	143.502.828.713	-
Chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP	1.401.755.252.988	-	102.316.344.579	(1.504.071.597.567)	-
	<b>2.378.304.250.451</b>	<b>-</b>	<b>(41.186.484.134)</b>	<b>(1.238.628.792.813)</b>	<b>1.098.488.973.504</b>

Thuyết minh	1/1/2018 VND	Phân loại lại VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	30/9/2018 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	1.098.488.973.504	-	-	(492.968.936.511)	605.520.036.993
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ	1.350.707.975.274	-	(124.261.235.867)	(855.417.778.937)	371.028.960.470
Chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP	-	-	1.401.755.252.988	-	1.401.755.252.988
	<b>2.449.196.948.778</b>	<b>-</b>	<b>1.277.494.017.121</b>	<b>(1.348.386.715.448)</b>	<b>2.378.304.250.451</b>



**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Cổ tức**

Việc phân phối lợi nhuận tuân theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/10/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	12.990.483.087	6.859.086.978
Trong vòng hai đến năm năm	53.498.719.386	24.063.207.549
Sau năm năm	172.278.108.098	177.615.126.146
	<b>238.767.310.571</b>	<b>208.537.420.673</b>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện

- Tiền thuê đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam (bao gồm 1 thửa đất thuê trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012; 1 thửa đất thuê trong 49 năm từ ngày 11 tháng 11 năm 1999) và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013. Cam kết thuê đất còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 202.357.117.535 VND.
- Tiền thuê văn phòng tại số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Cam kết thuê văn phòng từ ngày 1 tháng 1 năm 2019 tới ngày 30 tháng 04 năm 2023 là 36.410.193.036 VND.

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/10/2018</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	28.223,67	653.373.165	28.343,47	660.123.168

**(c) Cam kết đầu tư**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Tổng Công ty sẽ đầu tư 1.553.121 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác trong năm 2019 (tại ngày 1/10/2018 là 886.571 triệu VND).

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>
Doanh thu tiêu thụ điện	9.542.604.026.291	27.501.515.645.601
Doanh thu dịch vụ khác	123.115.223.858	311.820.017.646
	9.665.719.250.149	27.813.335.663.247

**22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>
Giá vốn sản xuất điện	8.384.323.104.036	23.947.232.380.599
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	116.524.602.707	283.906.865.040
	8.500.847.706.743	24.231.139.245.639

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND (Phân loại lại)</b>
Lãi tiền gửi	34.898.970.732	92.847.217.900
Cổ tức, lợi nhuận được chia	62.569.226.500	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	1.167.473.920	14.835.438.287
	98.635.671.152	107.682.656.187

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Chi phí tài chính**

	<b>Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>
Chi phí lãi vay	696.942.750.569	2.025.166.808.801
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	1.174.491.410	35.213.748.256
Phân bổ lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.238.628.792.813	1.348.386.715.448
Chi phí tài chính khác	-	5.451.390
	<b>1.936.746.034.792</b>	<b>3.408.772.723.895</b>

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>
Chi phí nhân viên	29.603.292.991	152.471.328.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.251.376.873	40.343.723.184
Chi phí khác	65.723.694.345	113.724.429.270
	<b>114.578.364.209</b>	<b>306.539.480.734</b>

**26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.487.173.456.522	19.114.562.778.021
Chi phí nhân công	120.233.710.808	548.065.444.767
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.119.772.714.083	3.242.786.753.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	137.571.589.160	301.883.184.708
Chi phí sửa chữa lớn	453.951.510.140	658.341.365.096
Chi phí khác	296.723.090.239	672.039.200.707
	<b>10.775.426.050.752</b>	<b>34.338.572.025.263</b>

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.838.129.130	1.662.857.650
Năm trước	105.538.577.040	-
	107.376.706.170	1.662.857.650

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế	(783.486.103.986)	264.380.737.044
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	(156.697.220.797)	52.876.147.409
Chi phí không được khấu trừ thuế	98.148.478.596	7.472.333.915
Ưu đãi thuế	-	(44.461.362)
Thu nhập không bị tính thuế	(12.513.845.300)	(58.641.162.312)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	72.900.716.631	-
Chi phí thuế TNDN năm trước	105.538.577.040	-
	107.376.706.170	1.662.857.650

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/10/2018</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>
Lỗi tính thuế	364.503.583.157	72.900.716.631	-	-

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗi được khấu trừ VND</b>
2023	Chưa quyết toán	364.503.583.157

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗi tính thuế bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của lỗi tính thuế.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Mua điện	27.346.871.589	82.358.020.559
Cung cấp dịch vụ	-	192.651.641.000
Vay trong năm	1.562.690.839.201	-
Thanh toán gốc, lãi và phí vay trong năm	2.917.335.651.810	3.575.994.255.311
Lãi vay	323.124.877.417	1.849.294.584.283
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	74.444.898.826
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa</b>		
Cổ tức được chia	24.061.778.500	100.578.234.130
Mua dịch vụ	1.590.612.000	53.000.000
Cung cấp dịch vụ	709.300.000	-
<b>Công ty Cổ Phần Nhiệt điện Ninh Bình</b>		
Cổ tức được chia	3.522.720.000	17.754.508.800
Mua dịch vụ	677.631.329	584.065.874
Cung cấp dịch vụ	-	106.144.000
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ Phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh</b>		
Cổ tức được chia	-	63.016.948.000
<b>Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Bà</b>		
Cổ tức được chia	28.575.000.000	24.765.000.000
<b>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A</b>		
Cổ tức được chia	-	37.800.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	454.634.481
<b>Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2</b>		
Cổ tức được chia	6.409.728.000	49.291.120.640
<b>Công ty Mua bán điện</b>		
Bán điện	9.542.604.026.291	27.501.515.645.601

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND</b>	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>
<b>Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải</b> Cung cấp dịch vụ	649.766.000	216.048.000
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)</b> Mua điện	712.692.956	9.388.082.831
<b>Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc</b> Mua dịch vụ	1.872.612.848	-
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2</b> Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ	966.843.461 214.275.100	12.316.846.292 -
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3</b> Mua dịch vụ	570.506.636	1.671.848.605
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4</b> Mua dịch vụ	79.410.845	73.611.566.892
<b>Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực</b> Lãi tiền gửi	5.797.890.410	16.907.914.765
<b>Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam</b> Mua dịch vụ	1.402.031.679	191.646.088
<b>CN Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam</b> Mua dịch vụ	1.352.417.791	1.807.411.029
<b>Công ty CP Nhiệt Điện Phả Lại</b> Cung cấp dịch vụ	1.011.326.364	-
<b>Hội đồng quản trị (Bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập, thành viên chuyên trách)</b> Thu nhập	73.773.000	428.161.000
<b>Ban Tổng giám đốc</b> Thu nhập	215.775.000	2.312.433.000

**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
<b>Cán bộ cấp quản lý khác</b>		
Thu nhập	44.175.000	841.968.000

**29. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	Giai đoạn từ 1/10/2018 đến 31/12/2018 VND	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	4.630.031.754	1.564.540.602.810
Bù trừ gốc vay, lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	2.917.335.651.810	3.149.756.701.124
Bù trừ Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam và phải thu công ty Mua bán điện	74.444.898.826	-
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang hàng tồn kho	335.748.162	224.552.040.993
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	121.540.842.227
Chuyển xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang chi phí trả trước	-	101.226.716.090
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	74.444.898.826
Ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP)	-	14.542.592.000
Cổ tức được chia phải thu	62.569.226.500	-
Vốn cổ phần giữ lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-



**Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty Cổ phần**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2018**  
**đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của “Doanh thu hoạt động tài chính” và “Thu nhập khác” cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến 30 tháng 9 năm 2018 được phân loại lại theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ - “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp” và Công văn số 1931/BTC-TCDN ngày 19 tháng 2 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn vướng mắc thực hiện cơ chế tài chính tại Tập đoàn điện lực Việt Nam. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018</b>		
	<b>(theo báo cáo</b>	<b>(Phân</b>	<b>(Đã phân</b>
	<b>trước đây)</b>	<b>loại lại)</b>	<b>loại lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	400.888.467.757	(293.205.811.570)	107.682.656.187
Thu nhập khác	117.282.127.099	293.205.811.570	410.487.938.669

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Người lập:

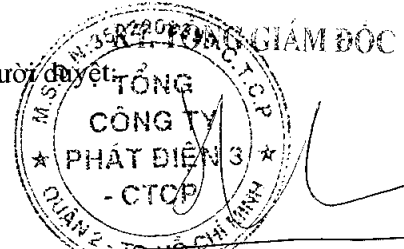


Trần Nguyễn Khánh Linh  
 Người lập biểu



Vũ Phương Thảo  
 Trưởng Ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Phó Tổng Giám đốc